

Số: 119/KQTN/2022/61 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/12/2022

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU HIỆP THẠNH
3. Địa chỉ : Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 23/12/2022
5. Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
6. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
7. Loại mẫu : Khí thải
8. Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Bụi (mg/Nm <sup>3</sup> )	NO <sub>x</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )	SO <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )	CO (mg/Nm <sup>3</sup> )
Khí thải máy phát điện X: 11°08'52"; Y:106°13'58"	1.011	40,7	55,9	69,8	123,5
<b>QCVN 19 :2009/BTNMT, Cột B</b> (C <sub>max</sub> = C x K <sub>p</sub> x K <sub>v</sub> )	-	≤ 160	≤ 680	≤ 400	≤ 800
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	US EPA Method 2*	US EPA Method 5*	HDCV.04	HDCV.04	HDCV.04

Vị trí đo	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	H <sub>2</sub> S (mg/Nm <sup>3</sup> )	NH <sub>3</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )	Cl <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )
Khí thải ống khói phòng công phá mẫu cao su X: 11°08'55"; Y:106°13'53"	2.248	KPH MDL=0,98	KPH MDL=0,23	KPH MDL=2
Khí thải ống khói mũ tạp X: 11°08'54"; Y:106°13'51"	2.105	KPH MDL=0,98	KPH MDL=0,23	KPH MDL=2
<b>QCVN 19 :2009/BTNMT, Cột B</b> (C <sub>max</sub> = C x K <sub>p</sub> x K <sub>v</sub> )	-	≤ 6	≤ 40	≤ 8
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	US EPA Method 2*	JIS 11255 (P4):2006 *	JIS K0099:2004-IC *	US EPA Method 26*

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- (\*) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117, 026
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

C<sub>max</sub>: nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm<sup>3</sup>).

C: nồng độ bụi và các chất vô cơ qui định ở mục 2.2 QCVN 19:2009/BTNMT

KV=0,8: hệ số vùng, đô thị loại IV. KP=1: hệ số lưu lượng nguồn thải P≤20.000 m<sup>3</sup>/h.

- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

**PHÒNG THỬ NGHIỆM**

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



NGUYỄN THỊ HUYỀN





Số: 119/KQTN/2022/61

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

30/12/2022

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU BẾN CÙI
3. Địa chỉ : Ấp 3, xã Bến Cui, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 30/09/2022
5. Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
6. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
7. Loại mẫu : Nước ngầm
8. Ký hiệu và mô tả mẫu : NN01: Nước ngầm tại giếng khoan trong khuôn viên nhà máy (X: 11°15'27"; Y:106°19'03")
9. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.  
 TCVN 6663-11:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 11: Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm  
 TCVN 6663-3: 2008 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.

### 10. Kết quả đo đạc, phân tích :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NN01		
1.	pH	-	6,45	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	36	1.500	HDCV.01
3.	Amoni (N_NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/L	KPH MDL=0,01	1,0	TCVN 6179 – 1:1996
4.	Nitrit (N_NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	KPH MDL=0,005	1,0	SMEWW 4500-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> .B:2017
5.	Nitrat (N_NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	1,66	15	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất  
 KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THỦY NHUNG



CÔNG GIÁM ĐỐC

TNHH

MÔI TRƯỜNG VÀ

AN TOÀN LAO ĐỘNG

SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

Số: 119/KQTN/2022/61 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/12/2022

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU BẾN CỬI
- Địa chỉ : Ấp 3, xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
- Ngày lấy mẫu : 23/12/2022
- Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Đất
- Vị trí lấy và mô tả mẫu : DD01: Mẫu đất trong khuôn viên nhà máy  
(X: 11°15'31"; Y:106°19'02")
- Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 4046 – 1985 - Đất trồng trọt: Phương pháp lấy mẫu  
TCVN 7538 - 2: 2005 - Chất lượng đất. Lấy mẫu. Phần 2:  
hướng dẫn kỹ thuật lấy mẫu
- Kết quả đo đạc, phân tích :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT : 2015/BTNMT – Đất công nghiệp	Phương pháp đo đạc, phân tích
			DD01		
1	pH	-	4,97	-	TCVN 5979:2007*
2	Tổng N	mg/kg	1.245	-	TCVN 6498:1999*
3	Tổng P	mg/kg	789,8	-	TCVN 8940:2011*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

  
TRẦN THỊ THÙY NHUNG



  
NGUYỄN THỊ HUYỀN